

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Thực tập lạnh nâng cao (228234) - Nhóm 02**

CBGD: **Vũ Đình Nường (280019)**

Số SV có mặt: 18...

Số bài thi: 18...

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120180070	CAO TUẤN ANH	11/11/2002	CCQ2018C						6.4		
2	2120170073	NGUYỄN NGỌC BẢO	27/07/2002	CCQ2018C						7.4		
3	2120180076	NGUYỄN QUỐC BẢO	18/03/2002	CCQ2018C						7.3		
4	2120170042	NGUYỄN NGỌC CHIẾN	12/07/2001	CCQ2018C						6.6		
5	2120180079	HUỲNH HỮU CƯỜNG	24/07/2002	CCQ2018C						6.7		
6	2120180078	NGÔ ĐỨC CƯỜNG	23/09/1998	CCQ2018C						6.0		
7	2120180072	NGUYỄN TIẾN DŨNG	11/11/2002	CCQ2018C						6.4		
8	2120180080	DƯƠNG HUỲNH ĐỨC	10/01/2002	CCQ2018C						9.0		
9	2120170394	PHAN HUỲNH ĐỨC	30/11/2002	CCQ2018C						7.3		
10	2120180095	TRƯƠNG LÝ TUẤN	11/09/2001	CCQ2018C								
11	2120180081	NGUYỄN MINH HIẾU	06/11/2001	CCQ2018C						7.4		
12	2120180082	LÊ ĐÌNH HUY	30/10/2001	CCQ2018C						6.9		
13	2120180090	NGUYỄN THANH LONG	26/01/2002	CCQ2018C						6.1		
14	2120180092	LÊ HỒ QUANG	04/03/2002	CCQ2018C						5.6		
15	2120180091	NGUYỄN THẾ NGHĨA	20/05/1999	CCQ2018C						7.4		
16	2120180022	HỒ TRUNG NHẬT	20/08/2002	CCQ2018A						6.4		
17	2120180030	PHẠM MINH TRÍ	08/03/2002	CCQ2018A						7.0		
18	2120170211	NGUYỄN VĂN TRỊ	02/10/2001	CCQ2018C						7.0		
19	2120060054	ĐỖ HOÀNG ĐÌNH VŨ	14/12/2000	CCQ2018C						6.4		
20	2120180087	LÊ THANH VŨ	24/12/2002	CCQ2018C						6.7		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

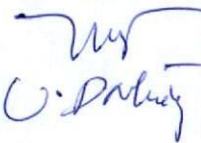
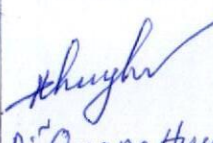
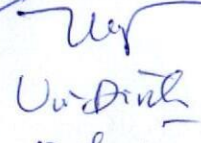
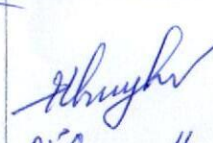
Môn học: **Thực tập lạnh nâng cao (228234) - Nhóm 01**

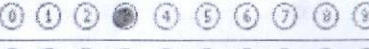
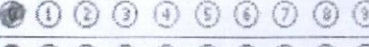
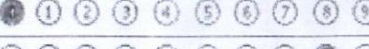
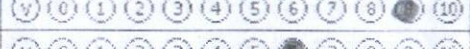
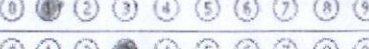
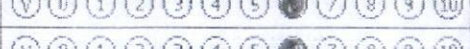
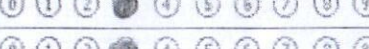
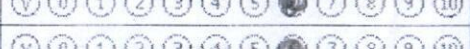
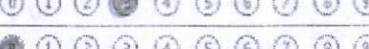
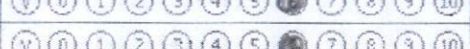
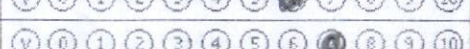
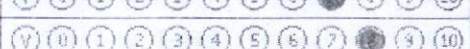
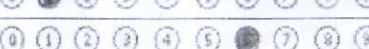
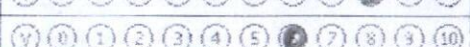
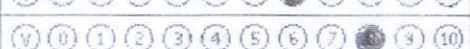
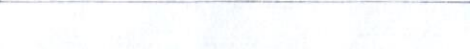
CBGD: **Vũ Đình Nhường (280019)**

Số SV có mặt: 23.....

Số bài thi: 23.....

Số tờ giấy thi:
.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			
U. Đình	Đoàn Quang Huy	U. Đình	Đoàn Quang Huy

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120180035	HUỖNH HOÀNG ANH	03/11/2002	CCQ2018B						7.0		
2	2120180037	NGUYỄN TRỌNG DINH	06/01/2002	CCQ2018B						6.0		
3	2120180038	ĐÌNH NHẬT TRƯỜNG DUY	15/05/2002	CCQ2018B						6.3		
4	2120180041	TRẦN TÍN ĐẠT	12/04/2002	CCQ2018B						6.3		
5	2120180042	NGUYỄN TRƯỜNG HẢI	17/02/2002	CCQ2018B						6.0		
6	2120180044	TRẦN QUANG HIẾU	04/02/2002	CCQ2018B						7.0		
7	2120180046	NGUYỄN VĂN HÒA	02/03/2002	CCQ2018B						6.8		
8	2120180048	ĐÌNH VĂN HUY	12/10/2002	CCQ2018B						9.1		
9	2120180051	LÊ MINH LỢI	30/05/2002	CCQ2018B						6.3		
10	2120180052	LÊ PHI LUÂN	08/07/2002	CCQ2018B						6.3		
11	2120180053	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	11/09/2002	CCQ2018B						6.0		
12	2120180055	DÀ KRIÊNG HA NGUY	02/02/2002	CCQ2018B						6.8		
13	2120180057	ĐÌNH THIÊN THIÊN NHÂN	24/01/2002	CCQ2018B						7.1		
14	2120180056	PHẠM ĐÌNH NHÂN	04/07/2002	CCQ2018B						8.6		
15	2120180060	LÊ VĂN SANG	19/05/2001	CCQ2018B						6.4		
16	2120180061	NGUYỄN THẾ SƠN	11/11/1999	CCQ2018B						8.8		
17	2120180062	NGUYỄN NHỰT TÂM	27/10/2000	CCQ2018B						6.3		
18	2120180063	HUỖNH VĂN THÍCH	26/03/2002	CCQ2018B						7.0		
19	2120180064	HỒ HUY THỌ	20/11/2002	CCQ2018B						6.5		
20	2120180065	NGUYỄN TẤN TRỌNG	03/10/2002	CCQ2018B						6.5		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

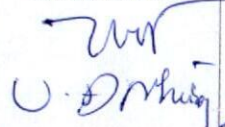
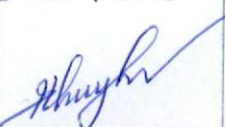
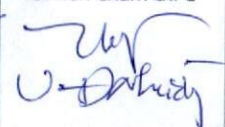
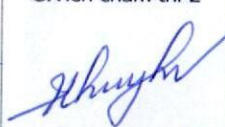
Môn học: **Thực tập lạnh nâng cao (228234) - Nhóm 01**

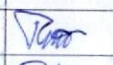
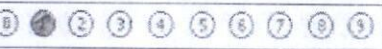
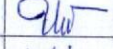
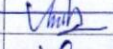
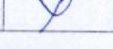
CBGD: **Vũ Đình Nhường (280019)**

Số SV có mặt: 23.....

Số bài thi: 23.....

Số tờ giấy thi:
.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			
	Đỗ Quang Huy		Đỗ Quang Huy

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120180066	NGUYỄN ĐÌNH TRUYỀN	09/11/2002	CCQ2018B						7.1		
22	2120180067	NGUYỄN QUỐC VIỆT	25/02/1998	CCQ2018B						6.6		
23	2120180068	NGUYỄN XUÂN VINH	26/05/2000	CCQ2018B								
24	2120180069	TRẦN TRỊNH ĐỨC Ý	02/10/2000	CCQ2018B						7.3	